

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/DS-ST.

Ngày: 14-7-2025.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chánh.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Giàu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2025/QĐXXST-DS ngày 19/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1669/2025/QĐST-DS ngày 16/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2, Tòa nhà S, A P, phường B, Quận A, TP . (nay là phường S, TP .).

Người đại diện theo ủy quyền:

1/ Ông Nông Văn T, sinh năm 1994.

2/ Ông Trần Hoàng M, sinh năm 1995.

3/ Bà Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1996.

Địa chỉ nhận văn bản: 176 N, phường V, Quận C, TP . (nay là phường X, TP .).

(Văn bản ủy quyền số 255315.24 ngày 15/11/2024.)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Duy L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 1, khu phố A, phường Q, TP ., tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

(Bà Nguyễn Thị Thanh V có mặt; bà Nguyễn Duy L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh V trình bày:

Ngày 19/12/2018, Ngân hàng TMCP Q (V1) và bà Nguyễn Duy L ký hợp đồng tín dụng số 0878.HĐTD1-VIB668.18 để vay số tiền 239.000.000đồng để thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Spark, thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 27/12/2018 đến ngày 26/12/2025, lãi suất tại thời điểm giải ngân là

9,5%/năm. Hết 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của V1 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

V1 đã giải ngân cho bà L số tiền 239.000.000đồng theo đúng yêu cầu của Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0878.KUNN1-VIB668.18 ngày 26/12/2018.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại Spark, biển kiểm soát 60D-006.19, màu sơn: Trắng; số máy: B12D1Z2181378HN7X025; số khung: RLLMF75DJJH952684 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 100588 do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp cho bà Nguyễn Duy L ngày 19/12/2018 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0878.HĐTC1-VIB668.18 ngày 19/12/2018, đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP . từ thời điểm 15 giờ 13 phút ngày 26/12/2018.

Do bà Nguyễn Duy L vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 21/12/2020 nên Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Duy L phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền (tạm tính đến hết ngày 14/7/2025) là: 303.095.250đồng (Ba trăm lẻ ba triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi đồng). Cụ thể:

- Nợ gốc: 173.565.000đồng.

- Lãi trong hạn: 167.461.473đồng; Lãi quá hạn: 104.550.656đồng; lãi chậm trả: 8.218.122đồng.

Bà L phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng cấp tín dụng đã ký kết cho đến khi bà L thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng.

Tài sản đảm bảo thi hành án là xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại Spark, biển kiểm soát 60D-006.19, màu sơn: Trắng; số máy: B12D1Z2181378HN7X025; số khung: RLLMF75DJJH952684 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 100588 do Phòng C Công an tỉnh Đ cấp cho bà Nguyễn Duy L ngày 19/12/2018 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0878.HĐTC1-VIB668.18 ngày 19/12/2018, đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP . từ thời điểm 15 giờ 13 phút ngày 26/12/2018.

Về chi phí tố tụng: Yêu cầu bà Nguyễn Duy L phải thanh toán lại cho Ngân hàng TMCP Q chi phí đăng thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng là 17.000.000đồng.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Duy L: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà L nhưng bà L không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà L về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng đã ký kết, nếu bị đơn không thanh toán đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án. Bị đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Duy L phải trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nên căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định Ngân hàng TMCP Q là nguyên đơn, bà Nguyễn Duy L là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Nguyễn Duy L cư trú tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai), căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai).

[3] Về thủ tục tố tụng khác: Bị đơn bà Nguyễn Duy L đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2016, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với bà L nhưng bà L đã được triệu tập hợp lệ hai lần vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Duy L.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về yêu cầu thanh toán tiền gốc và lãi của hợp đồng tín dụng:

Ngày 19/12/2018, Ngân hàng TMCP Q (V1) và bà Nguyễn Duy L ký hợp đồng tín dụng số 0878.HĐTD1-VIB668.18 để vay số tiền 239.000.000đồng để thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Spark, thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 27/12/2018 đến ngày 26/12/2025, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,5%/năm. Hết 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của V1 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. V1 đã giải ngân cho bà L số tiền 239.000.000đồng theo đúng yêu cầu của Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0878.KUNN1-VIB668.18 ngày 26/12/2018.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng, hợp đồng cấp hạn mức thấu chi và các bảng kê rút vốn được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, giao dịch được thực hiện phù hợp các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại các Điều 116, 117, 119, 385, 401, 463 Bộ luật dân sự 2015.

[4.2] Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thể hiện quá trình thực hiện hợp đồng, bà

L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng tín dụng vào ngày 21/12/2020 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả số tiền gốc đã vay là phù hợp Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

[4.3] Theo nội dung hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết có nội dung khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc/lãi theo thỏa thuận thì phải trả lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi chậm trả. Do đó, việc Ngân hàng áp dụng mức lãi suất và đề nghị phía bị đơn phải trả là phù hợp với quy định về lãi suất và lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất nên có căn cứ chấp nhận. Ngoài ra, bị đơn bà Nguyễn Duy L phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15/7/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên có căn cứ chấp nhận.

[4.4] Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay trên, bà Nguyễn Duy L đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q tài sản là:

Xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại Spark, biển kiểm soát 60D-006.19, màu sơn: Trắng; số máy: B12D1Z2181378HN7X025; số khung: RLLMF75DJJH952684 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 100588 do Phòng Công an tỉnh Đ cấp cho bà Nguyễn Duy L ngày 19/12/2018 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0878.HĐTC1-VIB668.18 ngày 19/12/2018, đã được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP . từ thời điểm 15 giờ 13 phút ngày 26/12/2018.

[4.5] Hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện đúng quy định tại các Điều 117, 119, 298, 317, 319 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 về đăng ký giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ phù hợp với thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp và các quy định tại Điều 299, Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký, bà Nguyễn Duy L phải chịu chi phí đăng thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng là 17.000.000đồng. Do Ngân hàng TMCP Q đã nộp tạm ứng số tiền trên nên bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 17.000.000đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Duy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.154.763đồng (Mười lăm triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 7.154.952đồng (Bảy triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005311 ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

[7] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 116, 117, 293, 299, 317, 319, khoản 7 Điều 323, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (nay là các Điều 100, 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024);

Căn cứ Nghị định 99/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q đối với bị đơn bà Nguyễn Duy L về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Nguyễn Duy L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền (tạm tính đến hết ngày 14/7/2025) là: 303.095.250đồng (Ba trăm lẻ ba triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, hai trăm năm mươi đồng). Cụ thể:

- **Nợ gốc: 173.565.000đồng.**

- **Lãi trong hạn: 167.461.473đồng; Lãi quá hạn: 104.550.656đồng; lãi chậm trả: 8.218.122đồng.**

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Duy L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trong trường hợp bà Nguyễn Duy L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Tài sản đảm bảo thi hành án là:

Xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại Spark, biển kiểm soát 60D-006.19, màu sơn: Trắng; số máy: B12D1Z2181378HN7X025; số khung: RLLMF75DJJH952684 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 100588 do Phòng Công an tỉnh Đ cấp cho bà Nguyễn Duy L ngày 19/12/2018 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0878.HĐTC1-VIB668.18 ngày 19/12/2018, đã được

đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại TP . từ thời điểm 15 giờ 13 phút ngày 26/12/2018.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Duy L có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 17.000.000đồng (Mười bảy triệu đồng).

4. Về án phí: Bà Nguyễn Duy L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.154.763đồng (Mười lăm triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, bảy trăm sáu mươi ba đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 7.154.952đồng (Bảy triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005311 ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

5. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được công bố trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Trần Ngọc Phương Trang